

Số: 104 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 14 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt điều chỉnh đơn giá một số giống cây lâm nghiệp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 69/2011/TT-BNNPTNT ngày 21/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn thực hiện một số nội dung Quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BXD ngày 20/3/2015 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 432/QĐ-CTUBND ngày 29/8/2011 về việc phê duyệt điều chỉnh suất đầu tư trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2450/QĐ-UBND ngày 30/7/2014 về việc phê duyệt điều chỉnh đơn giá cây giống Sao đen và Dầu rái đủ tiêu chuẩn xuất vườn;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 4301/STC-GCS ngày 28/12/2015 và đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 4198/TTr-SNN ngày 02/12/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh đơn giá một số giống cây lâm nghiệp cụ thể như sau:

TT	Cây giống đủ tiêu chuẩn xuất vườn	ĐVT	Đơn giá tại Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 29/8/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh	Đơn giá tại Quyết định số 2450/QĐ-UBND ngày 30/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh	Đơn giá phê duyệt	Tỷ lệ tăng (%)	Ghi chú
1	Giổi	đồng/cây	1.600		4.600	187,5	Cây giống 02 năm tuổi

2	Bời lời	đồng/cây	1.600		4.600	187,5	Cây giống 02 năm tuổi
3	Hương	đồng/cây	1.600		4.600	187,5	Cây giống 02 năm tuổi
4	Trám	đồng/cây	1.600		4.600	187,5	Cây giống 02 năm tuổi
5	Thông nạng	đồng/cây	1.600		4.600	187,5	Cây giống 02 năm tuổi
6	Lim xẹt	đồng/cây	-		4.600	-	Cây giống 02 năm tuổi
7	Quế	đồng/cây	1.600		4.600	187,5	Cây giống 02 năm tuổi
8	Lim xanh	đồng/cây	2.900		4.600	58,6	Cây giống 02 năm tuổi
9	Sao đen	đồng/cây	2.570	4.030	4.600	14,1	Cây giống 02 năm tuổi
10	Dầu rái	đồng/cây	2.900	4.360	4.600	5,5	Cây giống 02 năm tuổi
11	Cà te	đồng/cây	1.600		4.600	187,5	Cây giống 02 năm tuổi
12	Thông nhựa	đồng/cây	1.450		2.900	100	Cây giống 02 năm tuổi
13	Thông Caribê	đồng/cây	-		2.900	-	Cây giống 02 năm tuổi
14	Keo lá tràm (hạt)	đồng/cây	260		260	0	
15	Keo lai (hom)	đồng/cây	630		630	0	
16	Keo lá tràm (hom)	đồng/cây	670		670	0	
17	Keo tai tượng	đồng/cây	150		150	0	
18	Bạch đàn (mô)	đồng/cây	675		675	0	
19	Phi lao (hạt)	đồng/cây	2.970		2.970	0	
20	Phi lao (hom)	đồng/cây	3.100		3.100	0	
21	Thông nhựa	đồng/cây	642		642	0	Cây giống 01 năm tuổi

22	Xoan ta	đồng/cây	500		500	0	
23	Xoan mộc	đồng/cây	1.580		1.580	0	

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung các Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 29/8/2011; Quyết định số 2450/QĐ-UBND ngày 30/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh. Các nội dung khác có liên quan không thay đổi.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, K13 (17b).



Trần Châu